

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 13-5-2025

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ - THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc Lam Điền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Thọ

Ông Lê Văn Thừa

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giai Thoại – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 51/2025/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 02 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hồ Thị C1, sinh năm 1995

Địa chỉ: 123/24, ấp 2, xã T, huyện C, TP Cần Thơ.

Bị đơn: Ông Trần Văn C2, sinh năm 1985

Địa chỉ: 123/24, ấp 2, xã T, huyện C, TP Cần Thơ.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nguyên đơn trình bày: Bà và ông Trần Văn C2 tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn được UBND xã T, huyện C, TP Cần Thơ cấp giấy Chứng nhận kết hôn số 214, vào ngày 23/12/2013.

Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc nhưng thời gian sau bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Mâu thuẫn lớn nhất là vào tháng 7 năm 2024 vợ chồng bất đồng quan điểm về vấn đề tiền bạc, sau đó bà bỏ về nhà cha mẹ ruột và ly thân đến nay. Do cả hai không còn tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không còn hạnh phúc, hiện nay bà không còn tình cảm với

ông C2 nữa, nhận thấy không còn khả năng hàn gắn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Văn C2.

Về con chung: Quá trình chung sống cả hai có 01 con chung là Trần Văn L (nam), sinh ngày 29/6/2013. Nguyên đơn bà C1 nhường quyền nuôi con cho bị đơn ông C2, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn bà Hồ Thị C1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Trần Văn C2 đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do là tự tước đi quyền và lợi ích của mình. Nên, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật và dành quyền kháng cáo đối với bị đơn theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ phát biểu ý kiến:

* *Về thủ tục tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa; Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó Tòa án đưa vụ án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

* *Ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Hồ Thị C1, cho bà C1 ly hôn với ông Trần Văn C2

- Về con chung: giao con chung tên Trần Văn L (nam), sinh ngày 29/6/2013 cho ông Trần Văn C2 nuôi dưỡng, không yêu cầu bà C1 cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi phát sinh tranh chấp.

- Buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án ly hôn giữa công dân với công dân; bà Hồ Thị C1 có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, với ông Trần Văn C2, nên xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp ly hôn*”. Quan hệ tranh chấp này thuộc Luật Hôn nhân và Gia đình điều chỉnh. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện C, Thành phố Cần Thơ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Xét việc vắng mặt đương sự, bị đơn ông Trần Văn C2 đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiếp tục xét xử vụ kiện vắng mặt bị đơn theo quy định.

[3] Xét tính hợp pháp: Giữa bà Hồ Thị C1 và ông Trần Văn C2 tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn được UBND xã T, huyện C, TP Cần Thơ cấp giấy Chứng nhận kết hôn số 214, vào ngày 23/12/2013, nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Xét về chứng cứ và nội dung giải quyết vụ kiện: Nguyên đơn trình bày nguyên đơn và bị đơn đã có thời gian dài chung sống vợ chồng với nhau, đồng thời giữa nguyên đơn và bị đơn cũng có nhiều mâu thuẫn kéo dài, do bất đồng quan điểm, không tìm được biện pháp nào để hàn gắn. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn như lúc đầu, không thể chung sống với bị đơn được nữa nên bà yêu cầu ly hôn.

Hội đồng xét xử xét: Nguyên tắc của hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, tiến bộ, các thành viên trong gia đình phải có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau để cùng xây dựng hạnh phúc gia đình. Nhưng giữa nguyên đơn và bị đơn đã không còn sự tin yêu, quan tâm chăm sóc nhau trong cuộc sống. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, về cách đối xử vợ chồng trong cuộc sống hàng ngày không hòa hợp. Hội đồng xét xử xét thấy quá trình Tòa án giải quyết đã triệu tập họp lệ đối với bị đơn để tạo điều kiện hòa giải cho các bên đoàn tụ. Tuy nhiên, bị đơn vẫn vắng mặt, điều này chứng tỏ bị đơn không còn tha thiết với cuộc hôn nhân này, nếu duy trì cuộc hôn nhân này mục đích hôn nhân vẫn không đạt được, nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình (năm 2014); nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa ông - bà là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nguyên đơn bà Hồ Thị C1 yêu cầu xin ly hôn với bị đơn ông Trần Văn C2 là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về con chung: Nguyên đơn trình bày có 01 con chung tên Trần Văn L (nam) sinh ngày 29/6/2013. Nguyên đơn bà C1 có ý kiến nhường quyền nuôi con cho bị đơn ông C2, bà không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện nay con chung đang sống chung với bị đơn, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của cháu Trần Văn L, theo đó cháu L có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với cha. Để tránh làm xáo trộn cuộc sống sinh hoạt bình thường của con chung, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con chung, căn cứ Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, nên giao con chung là Trần Văn L cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật và không trái với đạo đức xã hội.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn luôn vắng mặt và không thể hiện yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Vì quyền lợi của trẻ em, nếu các đương sự thực hiện việc trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên không tốt thì có thể yêu cầu Tòa án thay đổi quyền nuôi con hoặc yêu cầu được thay đổi cấp dưỡng và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà Hồ Thị C1. Không ai được quyền ngăn cản bà C1 thực hiện quyền này.

[6] Về tài sản chung và nợ chung:

Về tài sản chung: Nguyên đơn xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Nguyên đơn xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong trường hợp này do bị đơn vắng mặt nên tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi có tranh chấp và đương sự có yêu cầu.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Từ những phân tích nêu trên cho thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về nội dung giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ áp dụng:

- Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 174; Điều 175; Điều 227, Điều 228, Điều 266; Điều 267; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 51, 56, 72, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình (năm 2014);
- Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội (Quy định về án phí, lệ phí Tòa án),

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp ly hôn của bà Hồ Thị C1 với ông Trần Văn C2 như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị C1 được ly hôn với ông Trần Văn C2
- Về con chung: Giao con chung tên Trần Văn L (nam) sinh ngày 29/6/2013 cho ông Trần Văn C2 trực tiếp nuôi dưỡng.

-Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà Hồ Thị C1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì quyền lợi của trẻ em, nếu các đương sự thực hiện việc trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên không tốt thì có thể yêu cầu Tòa án thay đổi quyền nuôi con hoặc yêu cầu được thay đổi cấp dưỡng và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà Hồ Thị C1. Không ai có quyền ngăn cản bà C1 thực hiện quyền này.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

Về án phí:

- Nguyên đơn bà Hồ Thị C1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu 0005335, ngày 19/02/2025 thành án phí. Nguyên đơn đã nộp xong án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với đương sự có mặt và kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại vụ kiện theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự.

* Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. Cần Thơ;
- VKSND H. Cờ Đỏ; TP Cần Thơ
- Chi cục THADS H. Cờ Đỏ; TP Cần Thơ
- UBND xã T, H. Cờ Đỏ, TP Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc Lam Điền